

Đương Sô: Xemtuong - Dương Nam
 Cung mệnh: Mậu Dần - Thai Nguyên: Canh Ngọ
 Thân Nhược: Thủy 22/50
 Dụng Thần: Kim

XemTuong.net
 lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 03			Trụ Ngày 10			Trụ Giờ 23:01		
Kiêu CANH	THÂN	Thai L.Quan	Quan KỶ	MÃO	Bệnh	Thân NHÂM	Tài NGỌ	Tử	Kiêu CANH	THÁI	Thai
Canh	Mậu	Nhâm	Át	Thương	Bệnh	Đinh	Kỷ	Thai	Đinh	QUÝ	Tử
Kiêu	Sát	Tỷ	L.Quan			Tài	Quan		Tài	KIẾP	
Thai	M.Dục	Tử				Bệnh	Bệnh		Bệnh	T.Sinh	
Trường Sinh			Tử			Thai			Đế Vượng		
Thiên Đức QN	Không Vong		Thiên Át QN	Đại Hao		Thiên Át QN	Tai Sát		Tướng Tinh	Kinh Dương	
Dịch Mã			Tiền Thần			Tướng Tinh	Cửu Quý PH.		Giáp Lộc	Dương Nhận	
			Đào Hoa			Tú Quý Nhân	Phi Nhận		Hồng Diễm		
Đại Vận 0 (0 - 7 tuổi)			Đại Vận 1 (8 - 17 tuổi)			Đại Vận 2 (18 - 27 tuổi)			Đại Vận 3 (28 - 37 tuổi)		
Quan KỶ	MÃO	Bệnh	Kiêu CANH	THÌN	Dưỡng	Án	TỴ	Tử	TỴ	NGỌ	Thai
	Át		Mậu	Át	Quý	TÂN	MẬU	Canh	Đinh	KỶ	
	Thương		Sát	Thương	Kiếp	Bính	Sát	Kiêu	Tài	Quan	
	L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	T.Tài	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	
Đại Vận 4 (38 - 47 tuổi)			Đại Vận 5 (48 - 57 tuổi)			Đại Vận 6 (58 - 67 tuổi)			Đại Vận 7 (68 - 77 tuổi)		
Kiếp QUÝ	MÙI	Mộ	Thực GIÁP	THÂN	Tuyệt	Thương ÁT	DẬU	Tuyệt	T.Tài	TUẤT	Mộ
Kỷ	Át	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm		Tân		Mậu	Đinh	Tân
Quan	Thương	Tài	Kiêu	Sát	Tỷ	Án	Án	L.Quan	Sát	Tài	Án
Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	Bệnh	T.Sinh		L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đới
Đại Vận 8 (78 - 87 tuổi)			Đại Vận 9 (88 - 97 tuổi)			Đại Vận 10 (98 - 107 tuổi)			Đại Vận 11 (108 - 117 tuổi)		
Tài ĐINH	HỢI	Thai	Sát MÃU	TỴ	Thai	Quan KỶ	SỬU	Mộ	Kiêu CANH	DÀN	Tuyệt
Giáp	Nhâm		Thực BÍNH	Quý		Kỷ	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu
Thực	Tỷ			Kiếp		Quan	Án	Kiếp	Thực	T.Tài	Sát
T.Sinh	L.Quan		L.Quan			Mộ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh

Kiêu CANH	1980	1 tuổi	Án	1981	2 tuổi	Tỷ	1982	3 tuổi	Kiếp QUÝ	1983	4 tuổi	Thực GIÁP	1984	5 tuổi	
Thương ÁT	1985	6 tuổi	Sát	T.Tài	1986	7 tuổi	Tài	1987	8 tuổi	Sát	1988	9 tuổi	Quan KỶ	1989	10 tuổi
		Suy	BÍNH	DÀN	T.Sinh	ĐINH	MÃO	Đinh	Đinh	MÃU	THÌN	Q.Đới	Đinh	Vượng	
Kiêu CANH	1990	11 tuổi	Án	1991	12 tuổi	Tỷ	1992	13 tuổi	Kiếp QUÝ	1993	14 tuổi	Thực GIÁP	1994	15 tuổi	
		MÙI	MÃU	Suy	NHÂM	THÂN	THÂN	T.Sinh	Bệnh	DẬU	THÌN	T.Sinh	THÂN	Dưỡng	
Thương ÁT	1995	16 tuổi	T.Tài	1996	17 tuổi	Tài	1997	18 tuổi	Sát	1998	19 tuổi	Quan KỶ	1999	20 tuổi	
		BÍNH	TỴ		ĐINH	SỬU	ĐINH	Mộ	MÃU	DÀN	T.Sinh	Kỷ	MÃO	Bệnh	
Kiêu CANH	2000	21 tuổi	Án	2001	22 tuổi	Tỷ	2002	23 tuổi	Kiếp QUÝ	2003	24 tuổi	Thực GIÁP	2004	25 tuổi	
		TÂN	TỴ		NHÂM	NGỌ	NGỌ	Thai	MÃU	MÙI	Mộ	Thực	THÂN	Tuyệt	
Thương ÁT	2005	26 tuổi	T.Tài	2006	27 tuổi	Tài	2007	28 tuổi	Sát	2008	29 tuổi	Quan KỶ	2009	30 tuổi	
		BÍNH	TUẤT		ĐINH	HỢI	ĐINH	Thai	MÃU	TỴ	Thai	Sát	MÙI	Mộ	
Kiêu CANH	2010	31 tuổi	Án	2011	32 tuổi	Tỷ	2012	33 tuổi	Kiếp QUÝ	2013	34 tuổi	Thực GIÁP	2014	35 tuổi	
		TÂN	MÃO		NHÂM	THÌN	THÌN	Mộ	TỴ	TY	Thai	NGỌ	TỬ		
Thương ÁT	2015	36 tuổi	T.Tài	2016	37 tuổi	Tài	2017	38 tuổi	Sát	2018	39 tuổi	Quan KỶ	2019	40 tuổi	
		BÍNH	THÂN		ĐINH	DẬU	ĐINH	T.Sinh	MÃU	TUẤT	Mộ	HỢI	THÌN	Thai	
Kiêu CANH	2020	41 tuổi	Án	2021	42 tuổi	Tỷ	2022	43 tuổi	Kiếp QUÝ	2023	44 tuổi	Thực GIÁP	2024	45 tuổi	
		TÂN	SƯU		NHÂM	DÀN	DÀN	Bệnh	MÃU	MÃO	T.Sinh	NGỌ	Suy		
Thương ÁT	2025	46 tuổi	Sát	2026	47 tuổi	Tài	2027	48 tuổi	Sát	2028	49 tuổi	Quan KỶ	2029	50 tuổi	
		T.Tài	BÍNH		NGỌ	Đ.Vượng	ĐINH	Q.Đới	MÃU	THÂN	Bệnh	DẬU	T.Sinh		
Kiêu CANH	2030	51 tuổi	Án	2031	52 tuổi	Tỷ	2032	53 tuổi	Kiếp QUÝ	2033	54 tuổi	Thực GIÁP	2034	55 tuổi	
		TÂN	HỢI		NHÂM	THÌN	THÌN	Đ.Vượng	TỴ	SƯU	Q.Đới	DÀN	L.Quan		

Thương ẤT	2035 MÃO	56 tuổi L.Quan	T.Tài BÌNH	2036 THIN	57 tuổi Q.Đới	Tài ĐINH	2037 TỶ	58 tuổi Đ.Vượng	Sát MẬU	2038 NGỌ	59 tuổi Đ.Vượng	Quan KỶ	2039 MÙI	60 tuổi Q.Đới
--------------	-------------	-------------------	---------------	--------------	------------------	-------------	------------	--------------------	------------	-------------	--------------------	------------	-------------	------------------

Kim Hỏa Thủy Thủ Mộc **⚡ Thiên khắc địa xung**

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trụ, bát tự hay tử trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

Phân Tích Lá Số Tử Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là [Nhâm Thủy](#) gặp địa chi trù năm Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhật **.

Nhật nguyên là [Nhâm Thủy](#) gặp địa chi trù tháng [Mão Mộc](#) được Thông căn Dư Khí *.

Nhật nguyên là [Nhâm Thủy](#) gặp địa chi trù ngày [Ngọ Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Nhâm Thủy](#) gặp địa chi trù giờ [Tý Thủy](#) được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhật **.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 6.5/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Mão** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Kỷ** sinh tháng **Mão** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Nhâm** sinh tháng **Mão** tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Canh** sinh tháng **Mão** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Canh **Ngọ** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Đinh Mùi** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Ngọ Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Anh phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm Canh Thân nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày **Nhâm Ngọ** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh Thân là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Kỷ Mão** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Nhâm Ngọ** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Nhâm Ngọ và Canh Thân này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Nhâm Ngọ và Kỷ Mão này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Nhâm Ngọ và Canh Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: **Thủy** 22/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thủy** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **22/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **19/36** điểm là thân **Thủy** Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Nhược **Thủy**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Anh ở mức Trung Bình** không vượng

cũng không nhược. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **Thủy** thì dụng thần nên là **Kim** để sinh thêm **Thủy**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiềm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Kim

Dụng Thần là Kim (dụng thần 1)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Anh vì Kim là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

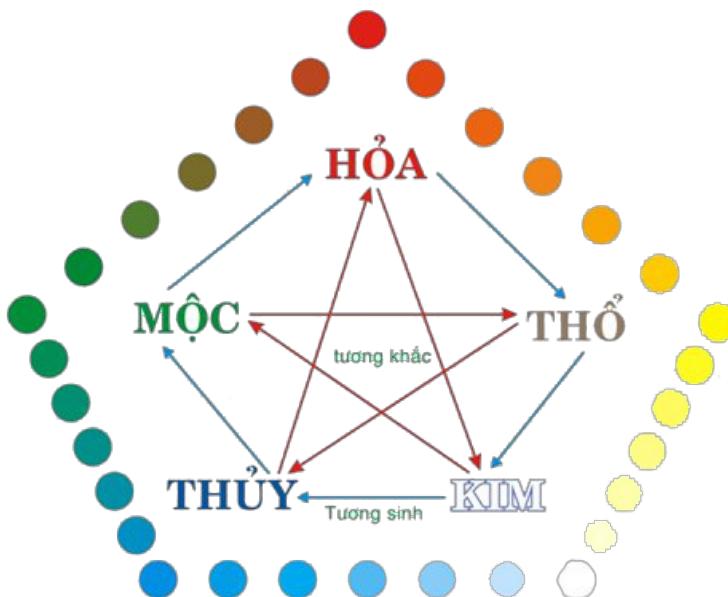
Trụ Năm Canh Thân bị Bính Dần thiến khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Dần.

Trụ Tháng Kỷ Mão bị **Ất Dậu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Dậu**.
 Trụ Ngày Nhâm Ngọ bị **Mậu Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Tý**.

Trụ Giờ Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

Theo chúng tôi nhận xét (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niêm vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thê đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngòe
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não

Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỷ (hệ tiêu hóa)	Phế (phổi)	Thân
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Thủy

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thủy có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân mày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thần mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khản. Nhìn chung người thuộc Thủy mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng.

Nhìn chung, người thuộc Thủy hợp với phương Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

Quý Anh Người Thuộc Thủy Nhược

Người mà Thủy nhược là người có vóc dáng thấp bé, tính tình bất nhất, thay đổi thất thường, tính nhát gan, không có mưu mẹo, hành động cũng bất nhất, không có thứ tự. Người mà Thủy quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Thủy quá vượng như bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thắt lưng, tử cung, âm hộ...

Cung Mệnh ở Dần có sao Thiên quyền

Quý Anh thông minh sắc sảo, trung niên có quyền bính.

Trụ năm của Quý Anh có Kiêu

Trụ năm có thiên ấn (kiêu) nếu là kỵ thần thì phá bại tổ nghiệp, mất gia giáo, tổn gia đình, tọa dưỡng vận: được mẹ kế nuôi dưỡng. Nếu can thiên ấn mà chỉ tỷ kiêm thì làm con nuôi. Trường hợp thiên ấn gặp trường sinh thì mẹ đẻ vô duyên, được mẹ kế hoặc mẹ nuôi dưỡng.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Quan

Trụ tháng có chính quan (quan) là em trai trên có anh chị được bố mẹ nuông chiều, một đời ít vất vả. Kỵ năm hoặc giờ can có thương quan thì khắc tổn tuy hiên nếu có chính tài hoặc thiên tài, hay chính án thì có thể giải được. Ngoài ra nếu chính quan tọa tướng tinh thì song thân quyền quý hiển đạt; là người chính trực đôn hậu.

Trụ ngày của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ ngày có chính tài (tài) thì nam được vợ giúp, độc lập làm giàu. Nếu tọa sao tướng thì nam lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài. Nói chung thì có bạn đời đoan trang, cần cù lao động.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Ân

Trụ giờ có thiên ân (kiêu) thì con cái thông minh, đa tài đa nghệ nhưng cố chấp, cô độc. Nếu có ngày tọa dương nhẫn thì vợ sinh đẻ khó, có sản ách. Thiên ân (kiêu) là sao khắc con nên đối với con cái bất lợi.

Chi ngày xung chi giờ

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

Trong trụ của Quý Anh có Tiền Thần Quý

Tiền thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiến hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiền thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Cửu quý phòng hại

Gặp ngày cửu quý phòng hại vợ chồng dễ bất hòa, nữ thì sinh nở thường khó khăn.

Trong tú trụ Quý Anh có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Anh hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

Trong tú trụ Quý Anh có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Anh hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ độn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cát nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Tú trụ có Dương Nhận

Dương nhẫn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhẫn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhẫn. Ngày chủ xung thích Dương nhẫn hộ vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhẫn không hiển lộ. Dương nhẫn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhẫn, thiên quan càng vượng lại có chính án tiếp trợ gọi là "Sát án tương sinh" Dương nhẫn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhẫn: cung vợ có tổn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhẫn: lảng lơ hoang dâm.

e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhẫn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao án không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.

f: Trong mệnh sao sát, Dương nhẫn đều có: hành vận Dương nhẫn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh.

g: Dương nhẫn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo.

h: Dương nhẫn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến.

j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhẫn can là sao tài gọi là nhẫn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhẫn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

Trụ giờ có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ giờ có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ giờ có Dương nhẫn

Giờ có Dương nhẫn: về già có họa, tổn thương con cái, ngày vận yếu thì không sao.

Tú Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Trụ năm có Dịch mã và Không vong

Với không vong cùng trụ: thường xuyên hoặc dễ thay đổi công việc nghề nghiệp.

Ngày chủ yếu, tú trụ có Dịch mã

Ngày chủ yếu, tú trụ có Dịch mã: cả đời bôn ba lao khổ.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tú trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỉ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đồ.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuấn mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiềm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiềm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gặp hung hóa cát, sao giải tai hoạ. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tú trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thuỷ, hỏa phải đề phòng bỗng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đỗ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ấn thụ là tốt.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tú trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phương của nguyên thần thì có thể vô hại.

Kình dương / Dương nhãn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tú Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kình dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kình dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vây. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kình dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kình dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kình dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kình dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tú trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cỗ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm Quý Anh gặp sao trạch mã

Trụ năm Quý Anh gặp sao trạch mã là ông cha hoặc cha mẹ đi buôn bán ở bên ngoài.

Nhật nguyên Quý Anh sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ

song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đè cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànх tői đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giànх giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tǐ kiếp khắc cha.

Trong Tứ trụ Quý Anh co can ngày mà gặp tài thì không hay vì sẽ khắc mẹ hoặc mẹ có bệnh.

Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài

Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quỷ (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc án thụ

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc án thụ và không bị khắc hại, hình, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

Thiên án gặp kình dương thì xa rời quê hương hoặc đi làm tăng đạo.

Kiêu thần đóng ở trụ năm là rời bỏ quê hương.

Hàm trì hợp với quan là nhà sa sút, người xa rời nhau.

Trụ năm gặp trạch mã là ông cha đi buôn bán ở bên ngoài.

Kiêu thần đóng ở ngôi tí là phá mố tổ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Trụ tháng Quý Anh gặp quan tinh là anh em quý trọng nhau.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tứ trụ Quý Anh không có tỉ kiếp và án tinh là từ bé đã gặp vận tỉ kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Canh Thân** hợp với Nữ tuổi **Tân Tuất - Ất Sửu - Mậu Thìn** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Quý Anh gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

Quý Anh tháng sinh gặp hàn trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Tài ở tử tuyệt mộ địa thì suốt đời phiêu bạt.

Công Danh Sư Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bắt kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Anh có Tài đóng ở trụ ngày là tài ở đất vượng, là tượng người vừa được vợ vừa được cửa; nếu tài không ở đất tử, mộ là người được cửa phía nhà vợ.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Anh có Tài nhiều, thân nhược cần có ân thụ để hỗ trợ thân.

Quý Anh Thân nhược, tài nhiều khi hành đến vận tǐ kiếp thì mới phát tài.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Quý Anh có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh Thân nhược, tài nhiều lại còn gặp tǐ kiếp lạm dụng thần thì tiền bạc đầy lưỡng.

Tài quan Quý Anh đều có và lộ rõ thì rất vinh hiển.

Quý Anh có Tài nhiều gặp tǐ kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Trong Tứ trụ Quý Anh kiêu thần mừng nhất gặp tài tinh, khi thân nhược gặp phải là tai hoạ.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của đja chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Anh có Tài đóng ở nhật nguyên, hành đến vận tài thì sẽ phát.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Anh Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Kiêu thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân nhược gặp phải là hoạ.

Quý Anh có Tài rơi vào khôn vong tất sẽ nghèo.

Tài tinh gặp kình dương thì mất cửa, mất người.

Quan Vận

Quý Anh có Kiếp Tài Dương Nhẫn, có Quan Sát, làm quan sang quý (Thân không được quá vượng hoặc quá nhược).

Quý Anh Thương Quan có Nhẫn, có tài làm tướng.

Quý Anh có Quan tinh đón Đào hoa, rất quý.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Át quý nhân).

Quý Anh Có Quan mà không có Ân, quan giả.

Quý Anh có Quan Sát hồn tạp, không quý hiển được.

Tài tinh Quý Anh yếu, làm quan không lâu.

Quý Anh có Quan nhược, Tài nhược, không nên làm quan.

Quý Anh Có Sát không có Ân thiếu văn tài.

Quý Anh có Thiên Ân nhiều, học nhiều thành tựu ít.

Quý Anh có Sát tàng Quan lộ, ẩn ác dương danh, ai mà gặp phải, danh chấn hương bang.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Chính Quan Quý Anh là thổ, cá tính ôn hòa, đồng thời cũng là người chính trực, trên các mặt đều biểu hiện ngay thẳng và khoan dung, tuy nhiên cũng thích hợp nhiều ngành, xử lý sự việc quyết đoán, nghĩa khí, đồng thời khái niệm kinh tế cũng rất chính xác, thích hợp với nghề tài chính, kinh tế, tiền tệ, quân đội cảnh sát.

Trụ Quý Anh có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mỏ quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tài quan là đứa con sinh ở nhà giàu sang.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Cha có thát sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thát sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Cung con cái Quý Anh ở hưu, tú, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Trụ giờ Quý Anh đóng ở thiên ấn thì con cái tính hung dữ.

Quý Anh có Kinh dương đóng ở trụ giờ thì con cái ngoỗ ngược bất hiếu.

Quý Anh Trụ giờ gặp kinh dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Anh có Kiêu thần nhiều, thân lại nhược, phần nhiều bị bệnh phổi.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Thủy quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ viêm thận, não xuất huyết, cận thị, bệnh ở hệ thống niệu đạo.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túc trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh.., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: Thương (Thương Quan), Thực (Thực Thần), Tài (Chánh

Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiên Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng truwong sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng truwong sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng truwong sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của túc trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng truwong sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của tru đó, và để biết sự mạnh yếu của túc trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các tru, sự bối cục các sao của tru..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở tru năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	Dưỡng	
CANH	THẦN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Q.Đới	T.Tài	QUÝ	DẬU
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Ký	Át	Đinh	Tân		
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiếp	Thực		
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy	Mộ		

Ý Nghĩa của túc trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiêng niêng của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyến bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Án (Chánh án) là cái sinh ra tội, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên án) là cái sinh phù tội, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tú trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dậu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cáp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cáp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, khắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dậu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cáp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dậu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tồn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhặt can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chung tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược c.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám dung đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiền thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự如意.

Trân Trọng.

XemTuong.net